

Bản án số: 155/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25/11/2022

V/v: *Ly hôn*

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Hồng Điệp

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Trước

2. Bà Nguyễn Thị Út

**Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 521/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022, về việc: “ *Ly hôn* ”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phan Thị U**, sinh năm 1990

Địa chỉ: số 8/1, ấp 1, xã N, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp L, xã Q, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 9 năm 2022 và các biên bản hòa giải Nguyên đơn cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Phan Thị U trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị U và anh G qua quen biết tiến tới hôn nhân, có làm lễ cưới năm 2005 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới thì chị về sống bên gia đình chồng ở xã Q, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau nên không còn tình cảm, vì vậy chị và anh G đã không còn sống chung từ năm 2012 đến nay, chị U đã bỏ nhà đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh. Nay chị U yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 09/8/2006, chị U yêu cầu nuôi con, chị không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

*Tại Biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay Bị đơn anh Nguyễn Văn G trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh G thừa nhận lời trình bày của chị U là đúng, hai bên có tổ chức lễ cưới vào năm 2005 nhưng không có đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn anh G thừa nhận vợ chồng bất đồng ý kiến nên không hợp nhau vì vậy đã không còn sống chung từ năm 2012 đến nay. Nay anh G đồng ý ly hôn với chị Phan Thị U.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 09/8/2006, anh G đồng ý giao con cho chị U nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

\* Cháu Nguyễn Thị Kim N có bản tự khai trình bày ý kiến: Cha mẹ ly hôn con có nguyện vọng được sống với mẹ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng:* Chị Phan Thị U yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn G, anh G ở ấp L, xã Q, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ được quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị U và anh Nguyễn Văn G có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2005, nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị U và anh G đều xác nhận vợ chồng chung sống không đăng ký kết hôn. Đây là tình tiết sự kiện rõ ràng không phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy xác định chị U và anh G chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn là đúng.

[2.2] Tại phiên tòa hôm nay cả hai đều đồng ý ly hôn, nhưng hai người chung sống không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về việc Nam, nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Xét việc chị U và anh G đã mâu thuẫn trầm trọng, cả hai đã có gia đình riêng không đăng ký kết hôn, nên không có giá trị pháp lý cho ly hôn. Căn cứ khoản 1, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định của pháp luật*”. Vì vậy Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Phan Thị U và anh Nguyễn Văn G là vợ chồng.

[2.3] Về nuôi con chung: Anh G đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 09/8/2006 cho chị U nuôi dưỡng, cũng là nguyện vọng của cháu cha mẹ ly

hôn muốn sống với mẹ. Chị U đồng ý tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con. Vì vậy Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Kim N cho chị U chăm sóc nuôi dưỡng được quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị U không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra giải quyết.

Anh G có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con không ai được cản trở anh G thực hiện quyền này được quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị U và anh G không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị U.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phan Thị U và anh Nguyễn Văn G là vợ chồng.

2/ Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 09/8/2006 cho chị Phan Thị U tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn G có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung không ai được quyền cản trở anh G thực hiện quyền này.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phan Thị U không yêu cầu anh Nguyễn Văn G cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4/ Về tài sản chung, nợ chung : Không yêu cầu giải quyết.

5/ Về án phí: Buộc chị Phan Thị U phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004342 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, chị U đã nộp xong, không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Hồ
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- THADS huyện Long Hồ
- Các đương sự
- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Hồng Điệp**